TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **83**/2020/HS-ST
Ngày: 20-8-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Xuyến.

2. Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tứ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Quốc H, sinh ngày 01/5/2001, tại tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Phạm Thị Bích C; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/3/2020 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện N, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đào Tấn D, sinh năm 1998 tại tỉnh Khánh Hòa. Nơi cư trú: Thôn T 2, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị C; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/3/2020 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện N, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Ngô Văn G, sinh ngày 16/5/2003 tại tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12;

dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn H và bà Đỗ Thị Thu T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 25/QĐ-CSĐT-HS ngày 06/4/2020 của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N. Bị cáo có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Ngô Văn G là ông Ngô Văn H, sinh năm 1973 và bà Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1983, cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Bà Trang có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo G là bà Nguyễn Thị Hoài Thương- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Bị hại: Anh Lê Ngọc H, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện tại: Nhà trọ ông Hai, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Huỳnh Thanh V, sinh ngày 01/11/2006 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Thế Thanh, xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ Ngọc Hân, khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của Huỳnh Thanh V là ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện T2, thành phố Cần Thơ,

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ Ngọc Hân, khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2/ Anh Phan Bá M, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số 204, đường N, phường H, quận T, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Ấp 3, xã Phú Thạnh, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 23/3/2020, Trần Quốc H rủ Đào Tấn D, Ngô Văn G (sinh ngày 16/5/2003) và Huỳnh Thanh V (sinh ngày 01/11/2006) đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài, tất cả đồng ý. Khi đi bộ qua khu nhà trọ ở ấp B, xã P, huyện N thì H, G, D và V thấy phòng phòng trọ số 3 của anh Lê Ngọc H (sinh năm 1995), ngụ tại ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai khóa cửa bên ngoài, không có người trông coi nên D đứng ngoài đường canh chừng cho H, G và V đi vào trong phòng trọ, G lấy một chiếc càng cua (công cụ dùng để bẻ khóa) mà G mang theo từ nhà để bẻ khóa phòng trọ của anh H, H và V cũng cùng với G bẻ khóa phòng trọ của anh H. Sau đó, H, G và V đi vào trong phòng trọ trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Dream, biển số 60B6-169.86 của anh H dẫn ra ngoài đường rồi V tiếp tục quay lại lục tìm lấy giấy tờ xe. Sau khi trộm cắp xe mô tô trên, H điều khiển xe chở G về nhà ở xã L, L1, H về phòng trọ ở ấp B, xã P, huyện N; còn V chở D đem

xe trộm cắp đến gặp Phan Đoàn Vũ L (sinh ngày 06/5/2005), ngụ tại ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, V và D nói cho L biết là chiếc xe vừa trộm cắp được của anh H và rủ L đi bán xe, L đồng ý. Sau đó, V và L đem xe đến tiệm cầm đồ ở ấp 3, xã Phú Thạnh, huyện N của anh Phan Bá M (sinh năm 1982), ngụ tại 204 N, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội để bán. Anh M không biết xe mô tô hiệu Honda Dream, biển số 60B6-169.86 do trộm cắp mà có nên đã đồng ý mua với giá 4.500.000 đồng. V và L đi xe ôm về hết 100.000 đồng; còn lại 4.400.000 đồng V chia cho D 1.100.000 đồng, cho L 280.000 đồng, chia cho G 950.000 đồng, cho H 900.000 đồng, V, L và D đi ăn hết 100.000 đồng, số tiền còn lại 1.070.000 đồng V giữ lại tiêu xài hết.

Ngày 24/3/2020, Trần Quốc H đến Cơ quan CSĐT Công an huyện N đầu thú.

Ngày 24/3/2020, Đào Tấn D bị Cơ quan CSĐT Công an huyện N bắt khẩn cấp.

Quá trình điều tra, ông Huỳnh Văn H là cha ruột của Huỳnh Thanh V đã nộp lại số tiền 1.100.000 đồng, bà Phạm Thị Bích C là mẹ ruột của bị can Trần Quốc H nộp lại số tiền 1.100.000 đồng, bà Đỗ Thị Thu T là mẹ ruột của bị can Ngô Văn G nộp lại số tiền 950.000 đồng, bà Nguyễn Thị C là mẹ ruột bị can Đào Tấn D nộp lại số tiền 1.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Trần Quốc H, Đào Tấn D, Ngô Văn G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại biên bản và Kết luận định giá tài sản số: 85/KLĐG-HĐĐG ngày 27/3/2020 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự kết luận 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Super Dream, màu nâu, biển số: 60B6 – 169.86. Giá trị sử dụng còn lại 30%, có trị giá là: 7.800.000 đồng (Bảy triệu, tám trăm nghìn đồng).

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A37, màu vàng đồng của Trần Quốc H. (không kiểm tra tình trạng máy bên trong).
- Số tiền 350.000 đồng của Đào Tấn D.
- 01 (một) chiếc càng cua dùng để bẻ khóa xe không thu hồi được.
- Số tiền 1.100.000 đồng ông Huỳnh Văn H là cha ruột của Huỳnh Thanh giao nộp.
- Số tiền 1.100.000 đồng bà Phạm Thị Bích C là mẹ ruột của bị can Trần Quốc H giao nộp.
- Số tiền 950.000 đồng bà Đỗ Thị Thu T là mẹ ruột của bị can Ngô Văn G giao nộp.
- Số tiền 1.000.000 đồng bà Nguyễn Thị C là mẹ ruột bị can Đào Tấn D giao nộp.
- 01 (một) đôi dép xốp màu vàng đen.
- 01 (một) ổ khóa Việt Tiệp đã bị hư hỏng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo. Đối với 01 CMND mang tên Lê Ngọc H bị mất và 01 ổ khóa của anh H do G và H phá hư hỏng, do tài sản có giá trị nhỏ nên anh H không yêu cầu bồi thường đối với các bị cáo.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan anh Phan Bá M có hành vi tiêu thụ xe mô tô hiệu Honda, loại Super Dream, màu nâu, biển số: 60B6 – 169.86; do anh M không biết tài sản trên do phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện N không xử lý anh M về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là thỏa đáng. Anh có yêu cầu các bị cáo, L, V bồi thường anh số tiền 4.500.000 đồng, cha mẹ các bị cáo và cha mẹ L, V đồng ý bồi thường cho anh M số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 92/CT.VKS-NT ngày 10/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Trần Quốc H, Đào Tấn D, Ngô Văn G về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Các bị cáo và bị hại không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá nêu trên.

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tình tiết và chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan anh M yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường anh số tiền 4.500.000 đồng, cha mẹ các bị cáo và cha mẹ L, V đồng ý bồi thường cho anh M số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Quốc H từ 10 đến 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đào Tấn D từ 10 đến 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 90, 91 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Ngô Văn G từ 06 đến 08 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 11 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các bị cáo; L và V phải liên đới bồi thường cho anh H số tiền 4.500.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Trả lại cho Trần Quốc H 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A37, màu vàng đồng vì không liên quan đến vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép xốp màu vàng đen; 01 ổ khóa Việt Tiệp đã bị hư hỏng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 350.000 đồng của Đào Tấn D giao nộp; Số tiền 1.100.000 đồng ông Huỳnh Văn H là cha ruột của Huỳnh Thanh V giao nộp; Số tiền 1.100.000 đồng bà Phạm Thị Bích C là mẹ ruột của bị cáo Trần Quốc H giao nộp; Số tiền 950.000 đồng bà Đỗ Thị Thu T là mẹ ruột của bị cáo Ngô Văn G giao nộp; Số tiền 1.000.000 đồng bà Nguyễn Thị C là mẹ ruột bị cáo Đào Tấn D giao nộp để đảm bảo thi hành án.

Sau khi nghe xong bản luận tội, bị cáo H, D và G không có tranh luận gì đối với bản luận tội của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo G thống nhất hành vi phạm tội, điều luật truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, bị cáo G phạm tội lần đầu khi chưa đủ 18 tuổi, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế, sau khi xảy ra hành vi phạm tội gia đình bị cáo đã liên đới bồi thường thiệt hại cho người có quyền, nghĩa vụ liên quan; tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, h khoản 1 Điều 51; 54 Điều 90; 91 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo G được hưởng án treo cũng đủ giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung đồng thời cũng thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp của bị cáo; đại diện hợp pháp của người có quyền và nghĩa vụ liên quan; người bào chữa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án, cụ thể:

Vào ngày 23/3/2020, Trần Quốc H, Đào Tấn D, Ngô Văn G (sinh ngày 16/5/2003) và Huỳnh Thanh V (sinh ngày 01/11/2006) có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Super Dream, màu nâu, biển số: 60B6 – 169.86, trị giá 7.800.000 đồng của anh Lê Ngọc H tại ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Sau đó, Huỳnh Thanh V và Đào Tấn D nhờ Phan Đoàn Vũ L đem bán cho anh Phan Bá M, anh M không biết tài sản trên do trộm cắp mà có nên đã đồng ý mua với giá 4.500.000 đồng. V và L đi xe ôm về hết 100.000 đồng; còn lại 4.400.000 đồng V chia cho D 1.100.000 đồng, cho L 280.000 đồng, chia cho G 950.000 đồng, cho H 900.000 đồng, V, L và D đi ăn hết 100.000 đồng, số tiền còn lại 1.070.000 đồng V giữ lại tiêu xài hết.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, ảnh hưởng đến tình hình trị an tại địa phương.

Các bị cáo nhận thức rõ được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra. Điều đó chứng tỏ ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với vai trò đồng phạm. Bị cáo H là người đề xuất, rủ rê đồng thời cũng thực hiện trực tiếp hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo D và G là đồng phạm giúp sức. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự phân công, câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Do đó, khi quyết định hình phạt cần xử lý nghiêm đúng với từng hành vi của các bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo H phạm tội ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS; bị cáo G khi phạm tội dưới 18 tuổi nên được áp dụng thêm Điều 90, 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo H tuy là người rủ rê, chủ mưu nhưng sau khi phạm tội ra đầu thú nên xem xét về mức hình phạt giữa bị cáo H và D là ngang nhau. Còn đối với bị cáo G do phạm tội chưa đủ 18 tuổi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cân nhắc cho bị cáo hưởng án treo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Việt Nam.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có tài sản, bị cáo G dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, cha mẹ các bị cáo, L và V đồng ý bồi thường cho anh H số tiền 4.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên:

- Trả lại cho Trần Quốc H 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A37, màu vàng đồng vì không liên quan đến vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép xốp màu vàng đen; 01 ổ khóa Việt Tiệp đã bị hư hỏng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 350.000 đồng của Đào Tấn D giao nộp; Số tiền 1.100.000 đồng ông Huỳnh Văn H là cha ruột của Huỳnh Thanh V giao nộp; Số tiền 1.100.000 đồng bà Phạm Thị Bích C là mẹ ruột của bị cáo Trần Quốc H giao nộp; Số tiền 950.000 đồng bà Đỗ Thị Thu T là mẹ ruột của bị cáo Ngô Văn G giao nộp; Số tiền 1.000.000 đồng bà Nguyễn Thị C là mẹ ruột bị cáo Đào Tấn D giao nộp để đảm bảo thi hành án.

[9] Đối với Phan Đoàn Vũ L có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nhưng do tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội L chưa đủ 16 tuổi nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không khởi tố chuyển xử lý hành chính là thỏa đáng.

[10] Đối với Huỳnh Thanh V có hành vi trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nhưng do tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội V chưa đủ 16 tuổi nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không khởi tố chuyển xử lý hành chính là thỏa đáng.

[11] Đối với Phan Bá M có hành vi tiêu thụ xe mô tô hiệu Honda, loại Super Dream, màu nâu, biển số: 60B6 – 169.86 nhưng do anh M không biết tài sản trên do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý anh M về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là thỏa đáng.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38 điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

-Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Quốc H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

-Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Quốc H 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2020.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Tấn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đào Tấn D 10(mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2020.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65, Điều 90 và Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ngô Văn G phạm tội " Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Ngô Văn G 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo G cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo G có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo G.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới

theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo H, bị cáo D, người đại diện hợp pháp của bị cáo G; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan L, V phải liên đới bồi thường cho anh H số tiền 4.500.000 đồng.

5. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Trả lại cho Trần Quốc H 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A37, màu vàng đồng vì không liên quan đến vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép xốp màu vàng đen; 01 ổ khóa Việt Tiệp đã bị hư hỏng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 350.000 đồng của Đào Tấn D giao nộp; Số tiền 1.100.000 đồng ông Huỳnh Văn H là cha ruột của Huỳnh Thanh V giao nộp; Số tiền 1.100.000 đồng bà Phạm Thị Bích C là mẹ ruột của bị cáo Trần Quốc H giao nộp; Số tiền 950.000 đồng bà Đỗ Thị Thu T là mẹ ruột của bị cáo Ngô Văn G giao nộp; Số tiền 1.000.000 đồng bà Nguyễn Thị C là mẹ ruột bị cáo Đào Tấn D giao nộp để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/7/2020 và số tiền 4.500.000 đồng đang tạm giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu tiền số 001067 ngày 20/7/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

6. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa có mặt được quyền

kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kế từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự H. N;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp cho người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Trang